

**TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC
QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày 28-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3/ Nguyễn Văn Tứ.

Các Hội thẩm quân nhân:

+ 2// Trần Mạnh Thắng;

+ 1// Nguyễn Quốc Trị.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Phạm Minh Thắng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 tham gia phiên tòa: 4/ Nguyễn Hữu Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; sinh ngày 10/7/1990 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Bùi Thị Đ (tên gọi khác Nguyễn Thị H); có vợ là Võ Thị T (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2012); tiền án: Không; 01 tiền sự: Ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Nhân thân: Ngày 25/7/2017 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái quyết định xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” ngày 26/7/2017 đã chấp hành xong (vi phạm này đã được xóa và coi như chưa vi phạm); bị tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến nay tại Trại Tạm giam Quân khu 2; có mặt.

2. Nguyễn Văn H; sinh ngày 14/10/1990 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị Tr; có vợ là Lù Thị Y (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2012); tiền án: Không; 01 tiền sự: Ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Nhân thân: Ngày 20/6/2017 bị TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2017/HSST, chấp hành xong bản án theo giấy chứng nhận số 601/GCN ngày 11/6/2018 của Trại giam

Tân Lập, nộp án phí ngày 24/8/2017 (vi phạm này đã được xóa và coi như chưa vi phạm); bị tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến nay tại Trại Tạm giam Quân khu 2; có mặt.

- Bị hại:

1. Tổng Công ty V - Tập đoàn Công nghiệp Q; địa chỉ: Số 6, Phạm Văn B, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện: Ông Ngô Quốc T; chức vụ, đơn vị: Phó Giám đốc kỹ thuật, Chi nhánh Kỹ thuật YB, được Tổng Giám đốc ủy quyền; có mặt.

2. Tập đoàn B; Địa chỉ: số 57 Huỳnh Thúc K, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện: Ông Phạm Đình P; chức vụ, đơn vị: chuyên viên Tập đoàn; có mặt. Ông Đỗ Duy H; chức vụ, đơn vị: Giám đốc Trung tâm VY. Được Tổng Giám đốc ủy quyền; vắng mặt.

3. Tổng Công ty M; địa chỉ: Số 1, đường Phạm Văn B, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện: Ông Lương Hồng H; chức vụ, đơn vị: Tổ trưởng Tổ viễn thông, Đài viễn thông VP - Trung tâm mạng lưới MB - Tổng Công ty M, được Giám đốc Trung tâm mạng lưới MB ủy quyền lại (được sự đồng ý của Tổng giám đốc Tổng công ty M); vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Tạ Thùy L; vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Thiên T; vắng mặt.
3. Anh Trần Đại N; vắng mặt.
4. Anh Phạm Văn T; vắng mặt.
5. Anh Lò Văn H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng trong thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn T đã 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các dây tiếp địa tại 11 trạm phát sóng của Tổng Công ty V, Tập đoàn B, Tổng Công ty M trên địa bàn huyện V, tỉnh Yên Bái (trong đó bị cáo Nguyễn Văn H tham gia 08 lần tại 08 trạm phát sóng của các nhà mạng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 08/8/2021, T đi bộ mang theo một ba lô vải màu xanh bên trong có 01 kìm (loại cắt dây điện), 01 con dao con (loại gọt hoa quả) đến nhà H nói “đi với em lấy dây thoát sét lỗi đồng ở các trạm phát sóng”, H đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 của bà Bùi Thị Tr (mẹ đẻ của bị can H) chở T đi tìm các trạm phát sóng vắng người trông coi để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi đến thôn T, xã ĐP, T, H thấy có trạm phát sóng trên đồi, các bị cáo để xe ở lề đường, đi bộ lên trạm phát sóng. Khi lên đến nơi, T trèo lên cột phát sóng, dùng kìm cắt đầu dây tiếp địa sát nơi tiếp nối giữa dây tiếp địa với đỉnh cột phát sóng. H ở dưới canh giới và dùng kìm do T đưa cắt đầu dây tiếp địa sát nơi tiếp nối với nhà trạm. Tài sản trộm cắp được 40m dây tiếp địa M25, H cuộn lại cho vào túi vải, T đem xuống xe máy. Sau đó cả hai đi đến đoạn đường vắng dùng dao thay nhau bóc tách vỏ nhựa lấy lõi đồng, cắt ngắn cho vào túi vải đem bán cho anh Nguyễn Thiên T là chủ cửa hàng thu mua phế liệu tại

thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái được 370.000 đồng. T lấy 200.000 đồng, chia cho H 170.000 đồng. Sau khi thực hiện xong hành vi T mang ba lô vải bên trong có 01 kim cắt dây điện và 01 con dao gọt hoa quả về cất giữ tại nhà của mình.

Bằng phương thức thủ đoạn và các công cụ đã dùng tại lần trộm cắp tài sản lần thứ nhất, các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các trạm phát sóng tiếp theo.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 05m dây tiếp địa M70, 40m dây tiếp địa M35 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn AK, xã ĐA. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho Tạ Thùy L được 750.000 đồng. T lấy 400.000 đồng, chia cho H 350.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 10/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 05m dây tiếp địa M70, 40m dây tiếp địa M35 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn PT, xã CH. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 350.000 đồng. T lấy 200.000 đồng, chia cho H 150.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 11/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 40m dây tiếp địa M50 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn KT, xã QM. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 1.300.000 đồng. T và H chia nhau mỗi người được 650.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 17 giờ ngày 12/8/2021, bị cáo T một mình điều khiển xe mô tô BKS 21V1-1339 của chị Nguyễn Thị H (chị gái của T) đi cắt trộm 05m dây tiếp địa M70 và 40m dây tiếp địa M35 tại trạm phát sóng trên đồi thuộc địa phận thôn CA, xã MĐ. Tài sản sau khi trộm cắp được bị cáo T bán cho anh Tạ Thùy L được 700.000 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng 10 giờ ngày 13/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 05m dây tiếp địa M70, 40m dây tiếp địa M35 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn BĐ, xã ĐC. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 750.000 đồng. Bị cáo T lấy 400.000 đồng và chia cho bị cáo H 350.000 đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 10 giờ ngày 14/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 21m dây tiếp địa M16, 06m dây tiếp địa M25, 61m dây tiếp địa M35, 06 bộ dây đầu đất Feeder 7/8 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn ĐA, xã ĐA. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 600.000 đồng. T và H chia nhau mỗi người được 300.000 đồng.

Lần thứ tám: Khoảng 10 giờ ngày 15/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 3,5m dây tiếp địa M25, 40m dây tiếp địa M50 tại trạm phát sóng trên đồi thuộc địa phận thôn LM, xã PDH. Tài sản lấy được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 1.300.000 đồng. T và H chia nhau mỗi người được 650.000 đồng.

Lần thứ chín: Khoảng 10 giờ ngày 17/8/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô BKS 21T7-9420 chở T đi cắt trộm được 05m dây tiếp địa M70, 40m dây tiếp địa M35 đến trạm phát sóng thuộc địa phận thôn ĐK, xã MĐ. Tài sản trộm cắp được các bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 1.200.000 đồng. Bị cáo T và bị cáo H chia nhau mỗi người được 600.000 đồng.

Lần thứ mười: Khoảng 10 giờ ngày 23/8/2021, bị cáo T một mình điều khiển xe mô tô BKS 21V1-1339 đi cắt trộm 84m dây tiếp địa M16, 92m dây tiếp địa M25,

07m dây tiếp địa M35 tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn CV, xã MĐ. Tài sản lấy được bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 1.300.000 đồng.

Lần thứ mười một: Khoảng 10 giờ ngày 24/8/2021, bị cáo T một mình điều khiển xe mô tô BKS 21V1-1339 đi cắt trộm 39m dây tiếp địa M16, 20m dây tiếp địa M25, 35m dây tiếp địa M35 đến tại trạm phát sóng thuộc địa phận thôn TT, xã XT. Tài sản lấy được bị cáo bán cho anh Tạ Thùy L được 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T, H bán các dây tiếp địa sau khi trộm cắp được là 9.620.000 đồng, các bị cáo đã mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Hiện số dây tiếp địa và số tiền bán các dây tiếp địa này không thu hồi được.

Hậu quả: 03 trạm phát sóng của Tổng Công ty V bị mất 144m dây tiếp địa M16, 118m dây tiếp địa M25, 103m dây tiếp địa M35, 06 bộ dây đấu đất Feeder 7/8 có tổng trị giá 23.453.200 đồng; 06 trạm phát sóng của Tổng Công ty M bị mất 40m dây tiếp địa M25, 25m dây tiếp địa M70, 200m dây tiếp địa M35 có tổng trị giá 25.302.000 đồng; 02 trạm phát sóng của Tập đoàn B bị mất 3,5m dây tiếp địa M25, 80m dây tiếp địa M50 có tổng trị giá 10.256.050 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện 11 lần hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại 11 trạm phát sóng, tài sản bị trộm cắp có tổng trị giá 59.011.250 đồng (trong đó, bị cáo Nguyễn Văn H cùng T thực hiện 08 lần hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại 08 trạm phát sóng, tài sản bị trộm cắp có tổng trị giá 37.944.650 đồng).

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường các trạm BTS của Tổng Công ty V do Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên lập ngày 26/8/2021. Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, tiến hành cho các đối tượng chỉ và xác định lại các vị trí đã thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện:

Tại trạm BTS thuộc thôn ĐA, xã ĐA (bị trộm cắp ngày 14/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt dây tiếp địa chống sét có lỗi đồng. Vị trí số 2 là vị trí Nguyễn Văn H đứng cạnh giới cho T thực hiện hành vi. Vị trí số 1 cách vị trí số 2 là 80m.

Tại trạm BTS thuộc thôn CV, xã MĐ (bị trộm cắp ngày 23/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt trộm dây tiếp địa chống sét có lỗi đồng kích thước dài 40m.

Tại trạm BTS thuộc thôn TT, xã XT (bị trộm cắp ngày 24/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí T đã thực hiện cắt 01 dây tiếp địa có lỗi đồng nối vào nhà để thiết bị dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí T cắt dây tổng chia các nhánh, vị trí số 2 cách mặt đất 2,5m. Vị trí số 3 là vị trí T ngồi bóc tách lỗi đồng bên trong. Thu giữ một số vỏ dây điện màu vàng đen.

Tại các báo cáo về việc mất trộm tài sản của Chi nhánh kỹ thuật YB và tại phiên tòa, đại diện của Tổng Công ty V trình bày việc các trạm BTS bị kẻ gian trộm cắp như biên bản khám nghiệm hiện trường đã nêu và có nội dung: Hệ thống dây tiếp địa bị cắt trộm như sau: Ngày 14/8/2021, Trạm BTS thuộc xã ĐA mất trộm 06 bộ dây đấu đất cho vỏ feeder 7/8 (mỗi bộ gồm dây đấu đất loại M16, chiều dài mỗi dây 60 cm); 21m dây M16; 06m dây M25; 61m dây M35 đã qua sử dụng. Ngày 23/8/2021, Trạm BTS thuộc xã MĐ mất trộm 84m dây M16; 92m dây M25; 07m dây M35, đã qua sử dụng. Ngày 24/8/2021, Trạm BTS thuộc xã XT mất trộm 39m dây M16; 20m dây M25; 35m dây M35, đã qua sử dụng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường các trạm BTS của Tổng Công ty M do Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên lập ngày 26/8/2021 và ngày 02/9/2021 thể hiện:

Trạm BTS tại thôn TT, xã ĐP (bị trộm cắp ngày 08/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí Nguyễn Văn H cắt dây tổng chia các nhánh nối từ nhà để thiết bị đến cột phát sóng, vị trí số 2 cách mặt đất 3,3m.

Tại trạm BTS thuộc thôn AK, xã ĐA (bị trộm cắp ngày 09/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí cột phát sóng bị mất trộm dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m.

Tại trạm BTS thuộc thôn PT, xã CQH (bị trộm cắp ngày 10/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí cột phát sóng bị mất trộm dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí dây tổng chia các nhánh nối từ nhà để thiết bị đến cột phát sóng bị mất trộm.

Tại trạm BTS thuộc thôn CA, xã MĐ (bị trộm cắp ngày 12/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m.

Tại trạm BTS thuộc thôn BĐ, xã ĐC (bị trộm cắp ngày 13/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí cột phát sóng bị mất trộm dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m nối đến nhà để thiết bị.

Tại trạm BTS thuộc thôn ĐK, xã MĐ (bị trộm cắp ngày 17/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt trộm dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí Nguyễn Văn H cắt dây tổng chia các nhánh nối từ nhà để thiết bị đến cột phát sóng bị mất trộm, vị trí số 2 cách mặt đất 3,3m.

Tại các báo cáo của Chi nhánh Tổng Công ty M về việc bị mất trộm tài sản cụ thể: Ngày 08/8/2021, Trạm BTS đặt tại thôn TT mất: 40m dây đồng đầu đất M25. Ngày 09/8/2021, Trạm BTS đặt tại thôn AK mất: Dây đồng đầu đất M70: 05m; 40m: M35, tổng số lượng 45m. Ngày 10/8/2021, Trạm BTS đặt tại xã CQH mất: Dây đồng đầu đất 05m: M70; 40m: M35, tổng số lượng 45m. Ngày 13/8/2021, Trạm BTS đặt tại thôn BĐ mất: Dây đồng đầu đất 05m: M70; 40m: M35, tổng số lượng 45m. Ngày 20/8/2021 phát hiện: Trạm BTS đặt tại thôn CA, xã MĐ mất: Dây đồng đầu đất 05m: M70; 40m: M35, tổng số lượng 45m. Trạm BTS đặt tại thôn ĐK, xã MĐ mất: Dây đồng đầu đất 05m: M70; 40m: M35, tổng số lượng 45m.

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường các trạm viễn thông của Tập đoàn B do Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên lập ngày 26/8/2021 thể hiện:

Tại trạm BTS thuộc thôn KT, xã QM (bị trộm cắp ngày 11/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí Nguyễn Văn T trèo lên cột phát sóng cắt dây tiếp địa chống sét có lõi đồng kích thước dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí Nguyễn Văn H cắt dây tổng chia các nhánh nối từ nhà để thiết bị đến cột phát sóng, vị trí số 2 cách mặt đất 2,3m.

Tại trạm BTS thuộc thôn LM, xã PDH (bị trộm cắp ngày 15/8/2021): Vị trí số 1 là vị trí T thực hiện hành vi cắt 01 dây tiếp địa chống sét có lõi đồng nối vào nhà thiết bị có kích thước dài 40m. Vị trí số 2 là vị trí T cắt dây tổng chia các nhánh nối từ nhà để thiết bị đến cột phát sóng, vị trí số 2 cách mặt đất 2,5m.

Tại các báo cáo về việc mất trộm tài sản của Trung tâm viễn thông VY và tại phiên tòa, đại diện Tập đoàn B trình bày về số lượng dây bị mất như các biên bản khám

nghiệm hiện trường đã nêu và có nội dung: Ngày 11/8/2021, Trạm BTS đặt tại thôn KT, xã QM mất: Dây CV1x50: 40m. Ngày 15/8/2021, Trạm BTS đặt tại thôn LM, xã PDH mất: Dây CV1x50: 40m; CV1x25: 3,5m.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và có nội dung: Do không có việc làm nên trong thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/8/2021 bị cáo đã liên tiếp thực hiện 08 lần cùng H trộm cắp dây đồng tại các Trạm BTS trên địa bàn huyện V và 03 lần một mình thực hiện trộm cắp tài sản bằng xe mô tô BKS 21V1-1339 của chị gái. Khi mượn xe bị cáo nói đi uống thuốc cai nghiện Methadone, tuy nhiên sau đó đã sử dụng xe này đi trộm cắp tại các trạm BTS trên địa bàn huyện V. Sau khi lấy được dây đồng thì các bị cáo tách vỏ, cắt ngắn thành từng đoạn ngắn cuộn lại cho vào túi vải đem đi bán cho các quán phế liệu luôn và bán tại 02 quán gần cổng trường cấp 3 NLB và ở gần cầu NB, khi chủ quán có hỏi dây đồng ở đâu đem bán thì bị cáo và H có nói do đi làm gom lại đem bán. Trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/8/2021, tiền ăn uống chi tiêu hàng ngày và sử dụng ma túy của bị cáo đều là tiền bán tài sản trộm cắp mà có, không có nguồn gốc nào khác.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và có nội dung: Do không có việc làm nên khi được T rủ đi trộm cắp tài sản tại các trạm BTS, bị cáo đã đồng ý và mượn xe mô tô BKS 21T7-9420 của mẹ bị cáo để đi uống thuốc cai nghiện Methadone, tuy nhiên sau đó đã sử dụng xe này đi trộm cắp tại 08 trạm BTS trên địa bàn lấy dây đồng rồi tách vỏ lấy lõi đồng cắt thành từng đoạn ngắn cuộn lại cho vào túi vải đem bán cho các quán phế liệu. Khi những người này hỏi dây đồng ở đâu đem bán thì bị cáo có nói dối là của nhà đem bán hoặc đi làm gom lại đem bán. Tiền ăn uống chi tiêu hàng ngày và sử dụng ma túy của bị cáo đều là tiền bán tài sản trộm cắp mà có, không có nguồn gốc nào khác.

Người làm chứng Trần Đại N khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Ngày 08/8/2021 tại trạm BTS thôn TT, xã ĐP bị mất tài sản dây tiếp địa M25 dài 40m; ngày 09/8/2021 tại trạm BTS thôn AK, xã ĐA bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M70 dài 05m, M35 dài 40m; ngày 10/8/2021 tại trạm BTS thôn PT, xã CQH bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M70 dài 05m, M35 dài 40m; ngày 13/8/2021 tại trạm BTS thôn BD, xã ĐC bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M70 dài 05m, M35 dài 40m; ngày 20/8/2021 phát hiện mất tại trạm BTS thôn CA, xã MĐ bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M70 dài 05m, M35 dài 40m và tại trạm BTS thôn ĐK, xã MĐ bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M70 dài 05m, M35 dài 40m.

Người làm chứng Phan Văn T khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Ngày 11/8/2021 tại trạm BTS thôn KT, xã QM bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M50 dài 40m; ngày 15/8/2021 tại trạm BTS PDH bị mất tài sản gồm dây tiếp địa loại M50 dài 40m, M25 dài 3,5m.

Người làm chứng Lò Văn H khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Ngày 14/8/2021 khi lên kiểm tra thì phát hiện trạm BTS đặt tại thôn ĐA, xã ĐA bị mất trộm 06 bộ dây đấu đất cho vỏ feeder 7/8, 21m dây M16, 06m dây M25; 61m dây M35 trên cột phát sóng; ngày 23/8/2021, kiểm tra trạm BTS tại thôn CV, xã MĐ thì phát hiện bị mất trộm 84m dây M16, 92m dây M25, 07m dây M35 trên cột phát sóng; ngày 24/8/2021

kiểm tra trạm BTS đặt tại thôn TT, xã XT phát hiện bị mất trộm 39m dây M16, 20m dây M25, 35m dây M35.

Người làm chứng Tạ Thùy L khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Tôi không quen biết Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H, khi được Cơ quan điều tra cho tiến hành nhận dạng và xác định Tình là người đã đến bán dây lõi đồng cho tôi vào ngày 24/8/2021, tôi không thấy ai đi cùng T, còn các lần khác có ai đi cùng T không thì tôi không chú ý... Tôi mua lõi đồng của nhiều người đến bán nên có thể tôi đã mua của T, H, còn cụ thể của ai thì tôi không rõ... tôi có hỏi những người bán đều nói dây đồng là đi làm gom được hoặc của nhà thừa, hỏng đem bán. Tôi không biết số dây đồng đó là do phạm tội mà có.

Người làm chứng Nguyễn Thiên T khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Khoảng đầu tháng 8/2021, tôi có mua khoảng 2,5 - 2,6 kg dây lõi đồng của 02 người thanh niên với giá 140.000 đồng/kg được khoảng 370.000 đồng, dây gồm nhiều sợi nhỏ được vo tròn lại, có nhiều loại với kích cỡ khác nhau, hai người này lấy từ túi vải ra, sau khi mua tôi gom hàng phế liệu rồi bán tại xã TL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc sau đó khoảng 03 - 04 ngày... tôi có hỏi người thanh niên nói thu gom tại nhà đem bán.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2928/KL-HĐĐG ngày 04/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Yên Bái kết luận:

Các Trạm BTS của Tập đoàn B bị trộm cắp tại thôn KT, xã QM ngày 11/8/2021 dây lõi đồng loại M50 dài 40m có giá trị 5.012.100 đồng; tại thôn LM, xã PDH ngày 15/8/2021 dây lõi đồng loại M25 dài 3,5m có giá trị 232.050 đồng, M50 dài 40m có giá trị 5.012.000 đồng.

Các Trạm BTS Tổng Công ty M bị trộm cắp tại thôn TT, xã ĐP ngày 08/8/2021 dây lõi đồng loại M25 dài 40m có giá trị 2.652.000 đồng; thôn AK, xã ĐA ngày 09/8/2021 dây lõi đồng loại M70 dài 05m có giá trị 890.000 đồng, M35 dài 40m có giá trị 3.640.000 đồng; tại thôn PT, xã CQH ngày 10/8/2021 dây lõi đồng loại M70 dài 05m có giá trị 890.000 đồng, M35 dài 40m có giá trị 3.640.000 đồng; tại thôn CA, xã MĐ ngày 12/8/2021 dây lõi đồng loại M70 dài 05m có giá trị 890.000 đồng, M35 dài 40m có giá trị 3.640.000 đồng; tại thôn BĐ, xã ĐC ngày 13/8/2021 dây lõi đồng loại M70 dài 05m có giá trị 890.000 đồng; M35 dài 40m có giá trị 3.640.000 đồng;

Các Trạm BTS Tổng Công ty V tài sản bị trộm cắp tại thôn ĐA, xã ĐA vào ngày 14/8/2021 dây lõi đồng loại M16 dài 21m có giá trị 903.000 đồng; M25 dài 06m có giá trị 397.800 đồng; M35 dài 61m có giá trị 5.551.000 đồng; tại thôn CV, xã MĐ vào ngày 23/8/2021 dây lõi đồng loại M16 dài 84m có giá trị 3.612.000 đồng, M25 dài 92m có giá trị 6.099.600 đồng, M35 dài 07m có giá trị 637.000 đồng; tại thôn TT, xã XT ngày 24/8/2021 dây lõi đồng loại M16 dài 39m có giá trị 1.677.000 đồng, M25 dài 20m có giá trị 1.326.000 đồng, M35 dài 35m có giá trị 3.185.000 đồng;

Tổng giá trị định giá tại các trạm BTS của Tập đoàn B (02 trạm BTS); Tổng Công ty M (05 trạm BTS) và Tổng Công ty V (03 trạm BTS) là 54.416.450 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/ĐGTS-HĐĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái kết luận: 06 bộ

đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8” bị trộm cắp vào ngày 14/8/2021 của Trạm BTS tại thôn ĐA, xã ĐA có giá trị là 64.800 đồng/06 bộ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/DGTS-HĐĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái kết luận: Trạm BTS thôn ĐK, xã MĐ, bị trộm cắp ngày 17/8/2021 dây lõi đồng loại M35 dài 40m có giá trị 3.640.000 đồng; M70 dài 05m có giá trị 890.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại Tổng Công ty V, Tập đoàn B và trong đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa đại diện bị hại Tổng Công ty M đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá và không yêu cầu bồi thường các chi phí lắp đặt, sửa chữa nào khác; về hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra hình sự - Công an huyện Văn Yên đã tiến hành thu giữ: 01 kim băng kim loại; 01 dao gọt hoa quả; 01 xe mô tô BKS 21V1-1339; 01 bao tải màu xanh; 02 cuộn ống đồng; 01 cuộn vỏ dây điện màu đen; 01 cuộn dây lõi đồng; 2,4m dây vỏ nhựa màu vàng xanh; 6,8m dây vỏ nhựa màu đen.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 16 tháng 02 năm 2022, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Quyết định truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng; đồng thời phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng và thực hành tích cực; bị cáo H khi được rủ đi ăn trộm đã đồng ý và là người thực hành tích cực, nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội và nhân thân của các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

- Về hình sự: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), r (người phạm tội tự thú) khoản 1 Điều 51; điểm g (phạm tội hai lần trở lên) khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 50 đến 56 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 27/8/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), r (người phạm tội tự thú) khoản 1 Điều 51; điểm g (phạm tội hai lần trở lên) khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58, Khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 42 đến 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 27/8/2021.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 kim băng kim loại và 01 dao gọt hoa quả.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy 2,4m dây vỏ nhựa màu vàng xanh; 6,8m dây vỏ nhựa màu đen.

- Trách nhiệm dân sự: Đối với 03 trạm phát sóng bị cáo T thực hiện trộm cắp một mình (trạm phát sóng thuộc địa phận thôn CA, xã MĐ; trạm phát sóng BTS thuộc địa phận thôn CV, xã MĐ, trạm phát sóng BTS thuộc địa phận thôn TT, xã XT có tổng trị giá 21.066.600 đồng. Cụ thể bồi thường cho Tổng Công ty M 4.530.000 đồng, bồi thường cho Tổng Công ty V 16.536.600 đồng.

Đối với 08 trạm phát sóng bị cáo T, H cùng thực hiện hành vi trộm cắp 05 trạm phát sóng của Tổng Công ty M với số tiền 20.772.000 đồng, 02 trạm phát sóng của Tập đoàn B với số tiền 10.256.050 đồng, 01 trạm phát sóng của Tổng Công ty V với số tiền 6.916.600 đồng được chia theo tỷ lệ bị cáo T chịu 60%, bị cáo H chịu 40%. Cụ thể 05 trạm phát sóng Tổng Công ty M, T bồi thường 12.463.200 đồng, H bồi thường 8.308.800 đồng; 02 trạm phát sóng của Tập đoàn B, T bồi thường 6.153.630 đồng, H bồi thường 4.102.420 đồng; 01 trạm phát sóng của Tổng Công ty V, T bồi thường 4.149.960 đồng, H bồi thường 2.766.640 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS:

Bị cáo T phải bồi thường cho Tổng Công ty V số tiền 20.686.560 đồng, Tập đoàn B số tiền 6.153.630 đồng, Tổng Công ty M số tiền 16.993.200 đồng. Tổng số tiền T phải bồi thường là 43.833.390 đồng.

Bị cáo Hà phải bồi thường cho Tổng Công ty V số tiền 2.766.640 đồng, Tập đoàn B số tiền 4.102.420 đồng, Tổng Công ty M số tiền 8.308.800 đồng. Tổng số tiền H phải bồi thường là 15.177.860 đồng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các bị cáo, đại diện bị hại nhất trí với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ân hận về hành vi vi phạm của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và sửa chữa lỗi lầm, bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, những người

làm chứng, các biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng; lợi dụng các trạm phát sóng không có người trực tiếp trông coi, xa khu dân cư, trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/8/2021, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H đã cùng nhau lén lút thực hiện trộm cắp tài sản tại 08 trạm phát sóng của các nhà mạng Tổng Công ty M, Tổng Công ty V, Tập đoàn V trên địa bàn huyện V, tỉnh Yên Bái gồm các loại dây tiếp địa và 06 bộ dây đầu đất Feeder 7/8. Các tài sản bị trộm cắp có tổng trị giá là 37.944.650 đồng. Sau mỗi lần trộm cắp, T và H đều mang số dây chiếm đoạt được đi bóc vỏ lấy lõi đồng và bán cho anh Nguyễn Thiên T và anh Tạ Thùy L làm nghề thu mua phế liệu được tổng cộng 6.620.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn một mình thực hiện 03 lần trộm cắp các dây tiếp địa tại các trạm phát sóng của Tổng Công ty M và Tổng Công ty V trên địa bàn huyện V, các tài sản bị trộm cắp có tổng trị giá là 21.066.600 đồng. Sau mỗi lần trộm cắp, T đều mang số dây chiếm đoạt được đi bóc vỏ lấy lõi đồng và bán cho anh Tạ Thùy L được tổng cộng 3.000.000 đồng.

Bị cáo T và bị cáo H là người không có nghề nghiệp, lấy kết quả của việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Bị cáo T 11 lần trộm cắp các dây tiếp địa tại các trạm phát sóng với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 59.011.250 đồng hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với hai tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của BLHS. Bị cáo H 08 lần trộm cắp các dây tiếp địa tại các trạm phát sóng với tổng trị giá tài sản là 37.994.650 đồng hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của BLHS. Do vậy, ý kiến đề nghị của KSV về tội danh áp dụng đối với hai bị cáo là có căn cứ pháp luật.

HĐXX thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, trao đổi trước về phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm. Vai trò của từng bị cáo được xác định như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng việc đi cắt trộm dây tiếp địa tại các trạm BTS. Trong đó, bị cáo T 08 lần là người khởi xướng và thực hành, ngoài ra có 03 lần một mình thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, Nguyễn Văn T là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; Đối với Nguyễn Văn H, khi T rủ đi trộm cắp tài sản, H đã đồng ý ngay và dùng xe mô tô của mẹ mình chở T đến trạm BTS và cùng T cắt trộm dây tiếp địa. Khi cắt trộm được dây xong, H đã cùng T tách vỏ dây để lấy lõi đồng đi bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Do đó, H cùng là người thực hành chịu trách nhiệm sau bị cáo T.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là nghiêm trọng; trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước do Tổng Công ty V; Tập đoàn B; Tổng Công ty M quản lý được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân đối với các bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo T đã 11 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo

H đã 08 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Do đó, 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/8/2021, khi chưa bị ai phát hiện, các bị cáo đã tự thú về các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trước đó. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc T có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, nội dung này không phải là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng HĐXX đã xem xét khi lượng hình.

Hai bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, đều có 01 tiền sự (ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, hiện chưa thực hiện nộp phạt). Ngoài ra, bị cáo T bị Công an huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái quyết định xử phạt 2.000.000 về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe của người khác*”, bị cáo H bị TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (các vi phạm này đã được xóa coi như chưa vi phạm) các bị cáo không lấy đó làm bài học vì lợi ích của bản thân không tu chí làm ăn mà tiếp tục phạm tội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Đối với 08 trạm phát sóng, bị cáo H, T cùng thực hiện hành vi trộm cắp (05 trạm BTS của Tổng Công ty M, 02 trạm BTS của Tập đoàn B, 01 trạm BTS của Tổng Công ty V) 02 bị cáo phải liên đới bồi thường đối với thiệt hại tại các trạm BTS này theo kết luận định giá. Xét mức độ lỗi của các bị cáo, HĐXX xác định bị cáo T phải chịu trách nhiệm bồi thường 60% thiệt hại, bị cáo H phải chịu trách nhiệm bồi thường 40% thiệt hại. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án là phù hợp.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 587, Điều 589 BLDS, buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho:

Tổng Công ty M thiệt hại tại 05 trạm: Trạm BTS tại thôn TT, xã ĐP; trạm BTS tại thôn Ak, xã ĐA; trạm BTS tại thôn PT, xã CQH; trạm BTS tại thôn BD, xã ĐC; trạm BTS tại thôn ĐK, xã MĐ số tiền là 20.772.000 đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 12.463.200 đồng; bị cáo H phải bồi thường 8.308.800 đồng;

Tập đoàn B thiệt hại tại 02 trạm: Trạm BTS tại thôn KT, xã QM; trạm BTS tại thôn LM, xã PDH số tiền là 10.256.050 đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 6.153.630 đồng; bị cáo H phải bồi thường 4.102.420 đồng.

Tổng Công ty V thiệt hại tại 01 trạm BTS đặt tại thôn ĐA, xã ĐA số tiền là 6.916.600 đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 4.149.960 đồng; bị cáo H phải bồi thường 2.766.640 đồng;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; Khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường đối với 03 trạm phát sóng bị cáo một mình thực hiện trộm cắp, cụ thể: Tổng Công ty M số tiền 4.530.000 đồng đối với thiệt hại tại trạm BTS đặt tại thôn CA, xã MĐ; Tổng Công ty V số tiền 16.536.600 đồng đối với thiệt hại tại trạm BTS tại thôn CV, xã MĐ và trạm BTS tại thôn TT, xã XT.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô BKS 21T7- 9420 của bà Bùi Thị Tr cho con trai là bị cáo H mượn để đi uống thuốc Methadone và bà Tr không biết H dùng xe để đi trộm cắp tài sản, do cơ quan điều tra không thu giữ, nên HĐXX không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với 01 bao tải màu xanh; 02 cuộn ống đồng; 01 cuộn vỏ dây điện; 01 cuộn dây lõi đồng do anh Tạ Thùy L giao nộp cho cơ quan điều tra đã xác định không phải là tài sản trộm cắp các trạm phát sóng; và đối với chiếc xe mô tô 01 xe mô tô BKS: 21V1-1339 của chị Nguyễn Thị H khi cho bị cáo T mượn sử dụng để đi tới các trạm BTS trộm cắp tài sản, vận chuyển dây lõi đồng trộm cắp được mang đi bán là phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị H không biết T mượn xe mô tô của mình đi trộm cắp tài sản mà chỉ biết T mượn để đi uống thuốc Methadone. Nên Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng đã xử lý trả lại những tài sản trên là đúng quy định của pháp luật, HĐXX không xem xét lại.

Đối với các vật chứng: 01 kim bằng kim loại và 01 dao gọt hoa quả là công cụ phạm tội. Do đó, HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy;

Đối với 2,4m dây vỏ nhựa màu vàng xanh; 6,8m dây vỏ nhựa màu đen thu giữ được khi cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại trạm BTS thuộc thôn TT, xã XT không sử dụng được. Do đó, HĐXX căn cứ điểm vào điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 USB chứa file ghi âm lời khai của 02 bị cáo T và H là phương tiện điện tử chứa dữ liệu điện tử là nguồn của chứng cứ nên được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Trong vụ án này: Anh Nguyễn Thiên T 01 lần, anh Tạ Thùy L nhiều lần mua dây đồng của bị cáo T và H. Tuy nhiên, cả 02 người đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; Bà Bùi Thị Tr cho bị cáo H mượn xe mô tô BKS 21T7-9420, chị Nguyễn Thị H cho bị cáo T mượn xe mô tô BKS 21V1-1339 đều không biết bị cáo T, H dùng xe mô tô này để đi trộm cắp tài sản. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền còn phải bồi thường là: (12.463.200 đồng + 6.153.630 đồng + 4.149.960 đồng + 4.530.000

đồng + 16.536.600 đồng) x 5% = 2.191.670 đồng. Bị cáo H phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền còn phải bồi thường là: (8.308.800 đồng + 4.102.420 đồng + 2.766.640 đồng) x 5% = 758.893 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn T 54 (năm mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/8/2021).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn H 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/8/2021).

2. Về bồi thường thiệt hại

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 587, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải liên đới cùng bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho các bị hại:

+ Tổng Công ty M số tiền là 20.772.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 12.463.200 (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm) đồng; bị cáo H phải bồi thường 8.308.800 (tám triệu ba trăm linh tám nghìn tám trăm) đồng.

+ Tập đoàn B tổng số tiền là 10.256.050 (mười triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm năm mươi) đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 6.153.630 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi) đồng; bị cáo H phải bồi thường 4.102.420 (bốn triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm hai mươi) đồng.

+ Tổng Công ty V số tiền là 6.916.600 (sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm) đồng. Trong đó, bị cáo T phải bồi thường 4.149.960 (bốn triệu một trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi) đồng; bị cáo H phải bồi thường 2.766.640 (hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho các bị hại:

+ Tổng Công ty M số tiền 4.530.000 (bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

+ Tổng Công ty V số tiền 16.536.600 (mười sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 kim, 01 dao gọt hoa quả.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 2,4m dây vỏ nhựa màu vàng xanh; 6,8m dây vỏ nhựa màu đen.

(Các vật chứng có đặc điểm như Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 16/02/2022 của Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 22 cho Phòng Thi hành án Quân khu 2).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 2.191.670 (hai triệu một trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng và bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 758.893 (bảy trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/04/2022) đối với bị cáo, đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với đại diện bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV22;
- TTGQK2;
- CQĐTHSKV1-Các TCSN-BQP;
- CQTHAHSQK2;
- Phòng THAQK2;
- 02 bị cáo;
- 03 bị hại;
- Lưu: THAHS, HSVA; Tu14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

3/ Nguyễn Văn Tứ

